

Số: 40/HQĐ-DTNTMC

Mường Chà, ngày 29 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN MƯỜNG CHÀ

Căn cứ luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 26/5/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 1345/QĐ-SGDĐT ngày 07/11/2024 “ Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2024” của Sở Giáo dục & Đào tạo Điện Biên;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban giám hiệu, cán bộ giáo viên, nhân viên trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT, Mail trường.



**Đặng Thị Kim Liên**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN MƯỜNG CHÀ

Chương: 422



### DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 422/QĐ-DTNTMC ngày 29/11/2024 của Trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	838
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	838
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	838
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó: - Đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương	
	Tiết kiệm thêm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	838
	Trong đó: Cấp bù theo ND 81/2021/NĐ-CP	
	Học bổng học sinh DTNT	838
	Hỗ trợ chi phí học tập học sinh trường DTNT theo thông tư 109	
	Kinh phí chi tăng thêm do mở rộng quy mô các trường DTNT	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	